TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **44**/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 16-10-2020.
V/v : Không công nhận quan hệ vợ chồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Trúc Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Phơ

2. Ông Huỳnh Phước

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Hên Thị Hồng Xinh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng*** *tham gia phiên tòa*: Bà Phạm Thúy Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 16/10/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 213/2020/TLST-HNGĐ ngày 18/8/2020 về việc "Không công nhận quan hệ vợ chồng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 248/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 28/9/2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Bà Bùi Thị Tố L**, sinh năm 1960 (có mặt)

Địa chỉ: đường T, khóm B, phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: **Ông Huỳnh Hùng T**, sinh năm 1956 (có mặt)

Địa chỉ: đường T, khóm H, phường T, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 31/7/2020 cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Bùi Thị Tố L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: bà Bùi Thị Tố L và ông Huỳnh Hùng T quen biết và có tình cảm với nhau nên đến năm 1992, ông bà được gia đình hai bên tổ chứ lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Việc ông, bà chung sống với nhau như vợ

chồng là tự nguyện và không có ai ép buộc. Sau khi cưới, ông bà chung sống tại nhà cha mẹ bà L. Thời gian đầu, ông bà sống chung hạnh phúc nhưng đến năm 1995, khi ông bà có con chung thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống trong sinh hoạt hàng ngày mà chủ yếu là do thu nhập kinh tế của gia đình không ổn định dẫn đến việc cự cải ngày càng nhiều hơn. Do đó vào năm 1996, ông T đã về nhà cha mẹ ruột của ông T để ở và ông, bà đã sống ly thân từ năm 1996 cho đến nay. Nhận thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên bà L yêu cầu Tòa án không công nhận bà Bùi Thị Tố L và ông Huỳnh Hùng T là vợ chồng.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống bà Bùi Thị Tố L và ông Huỳnh Hùng T có 01 người con chung tên Huỳnh Gia P, sinh ngày 05/8/1995 (nam). Hiện nay Huỳnh Gia P đã trưởng thành, có cuộc sống riêng và tự nuôi sống bản thân nên không yêu cầu Tòa án xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét.

Tại phiên tòa bị đơn ông Huỳnh Hùng T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: ông T thống nhất với lời trình bày của bà L. Năm 1992, ông bà tổ chức lễ cưới được sự chứng kiến của hai gia đình và chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn. Việc ông, bà chung sống với nhau như vợ chồng là tự nguyện và không có ai ép buộc. Thời gian đầu, ông bà sống chung hạnh phúc nhưng khi có con chung vào năm 1995 thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống trong sinh hoạt hàng ngày mà chủ yếu là do thu nhập kinh tế của gia đình không ổn định. Do đó, vào năm 1996 ông T đã về nhà cha mẹ ruột để ở và ông, bà đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Từ ngày sống ly thân, ông bà không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Do đó bà L yêu cầu Tòa án không công nhận bà L và ông T là vợ chồng thì ông T đồng ý.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống ông Huỳnh Hùng T và bà Bùi Thị Tố L có 01 người con chung tên Huỳnh Gia P, sinh ngày 05/8/1995 (nam). Hiện nay Huỳnh Gia P đã trưởng thành, có cuộc sống riêng và tự nuôi sống bản thân nên không yêu cầu Tòa án xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét.

Ý kiến của kiểm sát viên: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự như: Xác định đúng thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, việc thu thập chứng cứ đúng theo quy định. Về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, việc cấp tống đạt đảm bảo đúng theo quy định. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về phiên

tòa sơ thẩm. Về nội dung đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Thị Tố L và ông Huỳnh Hùng T sống chung với nhau từ năm 1992 nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu, ông bà sống chung hạnh phúc nhưng đến năm 1995 thì ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai ông bà bất đồng quan điểm sống trong sinh hoạt hàng ngày mà chủ yếu là do thu nhập kinh tế của gia đình không ổn định. Do đó vào năm 1996 ông, bà đã sống ly thân cho đến nay. Nay bà Bùi Thị Tố L yêu cầu Toà án giải quyết tuyên bố không công nhận bà Bùi Thị Tố L và ông Huỳnh Hùng T là vợ chồng.

Xét thấy bà L và ông T sống chung với nhau như vợ chồng vào năm 1992 nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm khoản 1 Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Mặc khác, theo điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 thì: *"Nam và nữ chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 03 tháng 01 năm 1987 đến ngày 01 tháng 01 năm 2001, mà có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này thì có nghĩa vụ đăng ký kết hôn trong thời hạn hai năm, kể từ ngày Luật này có hiệu lực cho đến ngày 01 tháng 01 năm 2003; trong thời hạn này mà họ không đăng ký kết hôn, nhưng có yêu cầu ly hôn thì Toà án áp dụng các quy định về ly hôn của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết. Từ sau ngày 01 tháng 01 năm 2003 mà họ không đăng ký kết hôn thì pháp luật không công nhận họ là vợ chồng"*. Nên việc bà Bùi Thị Tố L yêu cầu không công nhận quan hệ giữa bà và ông Huỳnh Hùng T là vợ chồng là có căn cứ. Do đó Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận bà Bùi Thị Tố L và ông Huỳnh Hùng T là vợ chồng.

- Về con chung: Bà Bùi Thị Tố L và ông Huỳnh Hùng T đều trình bày trong quá trình chung sống ông, bà có 01 người con chung tên Huỳnh Gia P, sinh ngày 05/8/1995 (nam). Hiện nay ông Huỳnh Gia P đã trưởng thành, có cuộc sống riêng và tự nuôi sống bản thân nên không yêu cầu Tòa án xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Bùi Thị Tố L và ông Huỳnh Hùng T đều trình bày không có, không yêu cầu Tòa án xem xét nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về án phí: Bà Bùi Thị Tố L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng theo điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ khoản 1 Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; điểm b khoản 3 Nghị Quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình 2000.

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Bùi Thị Tố L và ông Huỳnh Hùng T là vợ chồng.

2. Về con chung: ông Huỳnh Gia P, sinh ngày 05/8/1995 (nam). Hiện nay đã trưởng thành và có cuộc sống riêng, tự nuôi sống bản thân, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Bùi Thị Tố L và ông Huỳnh Hùng T đều trình bày không có, không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

4**.** Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Bùi Thị Tố L phải chịu số tiền là 300.000 đồng; Nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí bà Bùi Thị Tố L đã nộp 300.0 00 đồng theo biên lai số 0004488 ngày 16/7/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng, ông T đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật

Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND - TPST;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Thi hành án DS - TPST;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Trúc Phương